

## TỜ TRÌNH

### Về việc xem xét, thông qua kế hoạch vốn đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022 trên địa bàn huyện Mang Yang

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện Mang Yang khóa V - kỳ họp thứ Tư.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số: 893/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 1).

UBND huyện lập tờ trình kính trình Hội đồng Nhân dân huyện Mang Yang khóa V - kỳ họp thứ Tư xem xét, thông qua kế hoạch vốn đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022 trên địa bàn huyện Mang Yang, cụ thể như sau:

#### 1. Kế hoạch vốn thực hiện chương trình năm 2022:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022 trên địa bàn huyện Mang Yang là 12.014,9 triệu đồng để thực hiện 10.132m đường giao thông nông thôn.

#### 2. Cơ cấu nguồn vốn thực hiện chương trình năm 2022:

Về cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022:

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: là 5.057,2 triệu đồng;
- Vốn ngân sách huyện hỗ trợ là: 3.667,5 triệu đồng (bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh phân cấp, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn tăng thu tiền sử dụng đất);
- Vốn ngân sách xã: là 1.541,8 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất;
- Vốn huy động là: 1.748,4 triệu đồng.

(Có danh mục chi tiết kèm theo).

Tờ trình này thay thế cho Tờ trình số: 328 /TTr-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Mang Yang.

Kính đề nghị Hội đồng Nhân dân huyện Mang Yang khóa V - kỳ họp thứ Tư huyện xem xét, thông qua kế hoạch vốn đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022 trên địa bàn huyện Mang Yang để triển khai thực hiện. /

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Huyện ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lê Trọng



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KEN CỐ HÓA HẠ TẦNG GIAO THÔNG VÀ KINH MƯƠNG NĂM 2022**  
(Kèm theo Dự Trình số 23/DTT/UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Mang Yang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian KC-BT	Số quyết định, ngày, tháng năm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022				Hình thức thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
						TMBT	Tổng KH vốn (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn vốn huy động				
															10.132,0
	<b>Tổng cộng</b>														
<b>I</b>	<b>Thị trấn Kon Dong</b>														
1	Đường giao thông khu dân cư	Tổ 5	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 300m, hệ thống thoát nước	2022	936/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	336,9	1.897,9	146,8	122,8		67,4		UBND thị trấn Kon Dong		
2	Đường giao thông nông thôn nội làng	Làng Đê Hrel	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 200m hệ thống thoát nước	2022	937/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	200,0	224,6	98,7	81,0		44,9		UBND thị trấn Kon Dong		
5	Đường giao thông nội đồng	Tổ 6	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 1.270m hệ thống thoát nước	2022	938/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	1.270,0	1.336,4	613,8	455,3		267,3		UBND thị trấn Kon Dong		
<b>II</b>	<b>Xã Đăk Yă</b>														
	Đường nội làng Đăk Yă (Đoạn tiếp giáp đường bê tông quan Thanh Dư đi thôn Mỹ Yang)	Làng Đăk Yă	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 439,21m hệ thống thoát nước	2022	380/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	439,2	511,0	212,8	110,8		76,7		BQL các CTMT xã		
2	Đường đi sân vận động xã (Đoạn tiếp giáp đường bê tông cạnh nhà Vui Vẻn)	Thôn Châu Thành	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3m, M250, đả 2x4, L= 228,76m hệ thống thoát nước	2022	382/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	228,8	227,2	118,1	37,5		34,1		BQL các CTMT xã		
3	Đường nội Thôn Châu Sơn (Đoạn sau nhà ông Đào Thanh Tùng đi vào bãi 19 cũ)	Thôn Châu sơn	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, M250, đả 2x4, L= 174,59m hệ thống thoát nước	2022	383/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	174,6	170,4	72,5	36,2		25,6		BQL các CTMT xã		
4	Đường Nội Làng Đăk Trôk (các tuyến đường còn lại xóm mới Đăk Trôk)	Làng Đăk Trôk	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 611,36m hệ thống thoát nước	2022	384/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	611,4	795,2	301,8	187,1		119,3		BQL các CTMT xã		
5	Đường nội đồng làng Đăk Trôk	Làng Đăk Trôk	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 578,93m hệ thống thoát nước	2022	381/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	578,9	681,0	280,5	149,2		102,2		BQL các CTMT xã		
<b>III</b>	<b>Xã Đăk Drăng</b>														
1	Đường nội làng Đê Gôl từ nhà rông đến nghĩa địa (nối tiếp đường bê tông cũ đi nghĩa địa và nối tiếp đường bê tông cũ đến công làng)	Làng Đê Gôl	Đường BTXM, dây 18cm, Bm= 6 m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 533,46m hệ thống thoát nước	2022	1192/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	533,5	668,3	291,3	138,4		100,2		BQL các CTMT xã		
2	Đường đi khu sân Tennis Tân phú (nối tiếp đường bê tông cũ đi Quốc lộ 19 và đường sau nhà văn hóa xã)	Thôn Tân phú	Đường BTXM, dây 18cm, Bm= 6 m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 212,15m hệ thống thoát nước	2022	1193/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	212,2	311,9	115,8	74,6		46,8		BQL các CTMT xã		
3	Đường đi khu sân xuất kho từ kho T265 đến nhà ông Phung	Làng Đê Tur	Đường BTXM, dây 18cm, Bm= 5 m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 1.800m hệ thống thoát nước	2022	1191/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	1.800,0	2.295,0	982,8	484,0		344,3		BQL các CTMT xã		
<b>IV</b>	<b>Xã Kon Thyp</b>														
1	Đường từ nhà ông Byum đến nhà H'Nhom	Làng Chuk	Đường BTXM đả 2x4, Max200, H=16cm, Bm=5m, Mm=3,5m, L= 205 m, hệ thống thoát nước	2022	1182/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	205,0	300,0	112,9	71,1		45,0		BQL các CTMT xã		



STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian KC-HT	Số mét đăng ký trong năm 2022 (m)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022				Hình thức thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
						Số quyết định, ngày, tháng năm	TMDT	Tổng KH vốn (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						Nguồn vốn huy động
									Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã				
2	Đường từ nhà ông. Angah đến nhà Nghinh	Làng Chuk	Đường BTXM đã 2x4, Max200, H=16cm, Bp=5m, Mn=3,5m, L=267,03 m, hệ thống thoát nước	2022	267,0	300,0	1181/QĐ-LUBND ngày 10/12/2021	300,0	123,3	65,8	65,8	45,0	BQL các CTMT xã	Xã có tỷ lệ người ĐBDTTS trên 50%	
3	Đường từ nhà bà Anip tới nhà ông Jól (hiện nay là nhà ông K'Den)	Làng Dơ Nâu	Đường BTXM đã 2x4, Max200, H=16cm, Bp=5m, Mn=3,5m, L=520,91 m, hệ thống thoát nước	2022	520,9	685,0	1180/QĐ-LUBND ngày 10/12/2021	685,0	285,0	148,6	148,6	102,8	BQL các CTMT xã		
4	Đường nối tiếp đường từ làng Dơ Nâu đi làng Pơ Nang	Làng Dơ Nâu	Đường BTXM đã 2x4, Max200, H=16cm, Bp=5m, Mn=3,5m, L=168,11 m, hệ thống thoát nước	2022	168,1	197,0	1178/QĐ-LUBND ngày 10/12/2021	197,0	90,2	38,6	38,6	29,6	BQL các CTMT xã		
V	<b>Xã Lơ Pang</b>				<b>472,8</b>	<b>630,0</b>		<b>630,0</b>	<b>239,2</b>	<b>37,8</b>	<b>37,8</b>	<b>63,0</b>			
1	Đường đi từ nhà ông Chánh đến nhà ông Bom	Làng Roh	Đường BTXM, dày 16cm, Bp= 6m, Bm=3m, M250, đã 2x4, L=186,55 m hệ thống thoát nước	2022	186,6	240,0	109/QĐ-LUBND ngày 09/12/2021	240,0	95,9	120,1	120,1	24,0	BQL các CTMT xã	Xã có tỷ lệ người ĐBDTTS trên 50%	
2	Đường từ nhà Ông Druith đến trường Tiểu học	Làng Alao	Đường BTXM, dày 16cm, Bp= 6m, Bm=3m, M250, đã 2x4, L=286,26 m hệ thống thoát nước	2022	286,3	390,0	1110/QĐ-LUBND ngày 09/12/2021	390,0	143,2	207,8	207,8	39,0	BQL các CTMT xã		
VI	<b>Xã Đăk Trôi</b>				<b>625,0</b>	<b>710,0</b>		<b>710,0</b>	<b>282,5</b>	<b>356,5</b>	<b>356,5</b>	<b>71,0</b>			
1	Đường giao thông nông thôn làng Đăk Bớt (đoạn nối tiếp năm 2021)	Làng Đăk Bớt	Đường BTXM, L = 625m, dày 16cm, Bp= 5m, Bm=3m, M250, đã 2x4, hệ thống thoát nước	2022	625,0	710,0	79/QĐ-LUBND ngày 08/12/2021	710,0	282,5	356,5	356,5	71,0	BQL các CTMT xã	Xã có tỷ lệ người ĐBDTTS trên 50%	
VII	<b>Xã Kon Chiêng</b>				<b>1.524,6</b>	<b>1.635,0</b>		<b>1.635,0</b>	<b>689,2</b>	<b>782,3</b>	<b>782,3</b>	<b>163,5</b>			
1	Đường trục thôn làng Ktu (từ tỉnh lộ 666 nhà ông Nhưai đến sau nhà gặp đường 2) - đoạn nối tiếp 2021	Làng Ktu	Đường BTXM, đã 2x4, M250, Bp= 5m, Bm= 3m, H=16cm, L= 442,26m, hệ thống thoát nước	2022	442,3	545,0	214/QĐ-LUBND ngày 10/12/2021	545,0	199,9	290,6	290,6	54,5	BQL các CTMT xã		
2	Đường BTXM nối Làng Đak Ó (Đường Xóm)	Làng Đak Ó	Đường BTXM, đã 2x4, M250, Bp= 5m, Bm=3m, H=16cm, L=529,99m hệ thống thoát nước	2022	530,0	545,0	215/QĐ-LUBND ngày 10/12/2021	545,0	239,6	250,9	250,9	54,5	BQL các CTMT xã	Xã có tỷ lệ người ĐBDTTS trên 50%	
3	Đường BTXM đi khu sản xuất của Làng Deng xã Kon Chiêng. (Từ Làng Deng cũ xuống khu Hmaih)	Làng Deng	Đường BTXM, đã 2x4, M250, Bp= 5m, Bm=3m, H=16cm, L=552,39m hệ thống thoát nước	2022	552,4	545,0	216/QĐ-LUBND ngày 10/12/2021	545,0	249,7	240,8	240,8	54,5	BQL các CTMT xã		



Số: /2021/NQ-HĐND

Mang Yang, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022 trên địa bàn huyện Mang Yang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG  
KHÓA V - KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.*

*Căn cứ Nghị quyết số: 82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương;*

*Căn cứ Quyết định số: 893/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 1).*

*Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022 trên địa bàn huyện Mang Yang trên địa bàn huyện Mang Yang; Qua báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân huyện tại Kỳ họp thứ Tư, HĐND huyện khóa V,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022 trên địa bàn huyện Mang Yang trên địa bàn huyện Mang Yang, cụ thể như sau:

**1. Kế hoạch vốn thực hiện chương trình năm 2022:**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022 trên địa bàn huyện Mang Yang là 12.014,9 triệu đồng để thực hiện 10.132m đường giao thông nông thôn.

**2. Cơ cấu nguồn vốn thực hiện chương trình năm 2022:**

Về cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022:

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: là 5.057,2 triệu đồng;

- Vốn ngân sách huyện hỗ trợ là: 3.667,5 triệu đồng (bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh phân cấp, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn tăng thu tiền sử dụng đất);
- Vốn ngân sách xã: là 1.541,8 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất;
- Vốn huy động là: 1.748,4 triệu đồng.

*(Có danh mục chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Giao UBND huyện ban hành thực hiện hoàn thành Nghị quyết theo đúng quy định hiện hành của nhà nước, nhất là Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và các văn bản dưới luật tương ứng.

**Điều 3:** Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND, tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân huyện Mang Yang khóa V - kỳ họp thứ Tư thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trên đây là chủ trương kế hoạch vốn đầu tư thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh điều chỉnh bổ sung nhưng không vượt tổng mức vốn kế hoạch này thì ủy quyền UBND huyện xem xét, quyết định việc điều chỉnh và báo cáo HĐND huyện tại cuộc họp gần nhất./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT.HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- UBND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KIẾN CỐ HẠ TẦNG GIAO THÔNG VÀ KINH MƯƠNG NĂM 2022**  
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /2021 của HĐND huyện Mang Yang)

ĐYT: Trâu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian KC-HT	Số mét đăng ký trong năm 2022 (m)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022				Hình thức thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng năm	TMBT	Tổng KH vốn (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã			
	<b>Tổng cộng</b>				<b>10.132,0</b>		<b>12.014,9</b>	<b>5.057,2</b>	<b>3.667,5</b>	<b>1.541,8</b>	<b>1.748,4</b>			
	<b>Thị trấn Kon Dong</b>				<b>1.770,0</b>		<b>1.897,9</b>	<b>859,2</b>	<b>659,1</b>		<b>379,6</b>			
1	Đường giao thông khu dân cư	Tổ 5	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 300m, hệ thống thoát nước	2022	300,0	936/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	336,9	146,8	122,8		67,4		UBND thị trấn Kon Dong	
2	Đường giao thông nông thôn nội làng	Làng Đê H'rel	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 200m hệ thống thoát nước	2022	200,0	937/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	224,6	98,7	81,0		44,9		UBND thị trấn Kon Dong	
5	Đường giao thông nội đồng	Tổ 6	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 1.270m hệ thống thoát nước	2022	1.270,0	938/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	1.336,4	613,8	455,3		267,3		UBND thị trấn Kon Dong	
	<b>Xã Đăk Yă</b>				<b>2.032,9</b>		<b>2.384,8</b>	<b>985,8</b>	<b>520,7</b>	<b>520,7</b>	<b>357,7</b>			
1	Đường nội làng Đăk Yă (Đoạn tiếp giáp đường bê tông quán Thành Đư đi thôn Mỹ Yang)	Làng Đăk Yă	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 439,21m hệ thống thoát nước	2022	439,2	380/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	511,0	212,8	110,8		76,7		BQL các CTMT xã	
2	Đường đi sân vận động xã (Đoạn tiếp giáp đường bê tông cạnh nhà Vui Viên)	Thôn Châu Thành	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3m, M250, đả 2x4, L= 228,76m hệ thống thoát nước	2022	228,8	382/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	227,2	118,1	37,5		34,1		BQL các CTMT xã	
3	Đường nội Thôn Châu Sơn (Đoạn sau nhà ông Đào Thanh Tùng đi vào bãi 19 cũ)	Thôn Châu sơn	Đường BTXM, dây 16cm, Bm=3m, M250, đả 2x4, L= 174,59m hệ thống thoát nước	2022	174,6	383/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	170,4	72,5	36,2		25,6		BQL các CTMT xã	
4	Đường Nội Làng Đăk Trôk ( các tuyến đường còn lại xóm mới Đăk Trôk)	Làng Đăk Trôk	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L=611,36m hệ thống thoát nước	2022	611,4	384/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	795,2	301,8	187,1		119,3		BQL các CTMT xã	
5	Đường nội đồng làng Đăk Trôk	Làng Đăk Trôk	Đường BTXM, dây 16cm, Bm= 5m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 578,93m hệ thống thoát nước	2022	578,9	381/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	681,0	280,5	149,2		102,2		BQL các CTMT xã	
	<b>Xã Đăk D'răng</b>				<b>2.545,6</b>		<b>3.275,2</b>	<b>1.389,9</b>	<b>697,0</b>	<b>697,0</b>	<b>491,3</b>			
1	Đường nội làng Đê Gof từ nhà rộng đến nghĩa địa (nối tiếp đường bê tông cũ đi nghĩa địa và nối tiếp đường bê tông cũ đến công làng )	Làng Đê Gof	Đường BTXM, dây 18cm, Bm=5 m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 533,46m hệ thống thoát nước	2022	533,5	1192/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	668,3	291,3	138,4		100,2		BQL các CTMT xã	
2	Đường từ thôn Tân phú (nối tiếp đường bê tông cũ đi Quốc lộ 19 và đường sau nhà văn hóa xã)	Thôn Tân phú	Đường BTXM, dây 18cm, Bm=6 m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 212,15m hệ thống thoát nước	2022	212,2	1193/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	311,9	115,8	74,6		46,8		BQL các CTMT xã	
3	Đường từ khu sản xuất kho từ kho T265 đến nhà ông Phụng	Làng Đê Tur	Đường BTXM, dây 18cm, Bm=5 m, Bm=3,5m, M250, đả 2x4, L= 1.800m hệ thống thoát nước	2022	1.800,0	1191/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	2.295,0	982,8	484,0		344,3		BQL các CTMT xã	
	<b>Xã Kon Thuy</b>				<b>1.161,1</b>		<b>1.482,0</b>	<b>611,4</b>	<b>324,1</b>	<b>324,1</b>	<b>222,3</b>			
1	Đường từ nhà ông Byum đến nhà HTNhom	Làng Chuk	Đường BTXM đả 2x4, Max200, H=16cm, Bm=5m, Mn=3,5m, L= 205 m, hệ thống thoát nước	2022	205,0	1182/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	300,0	112,9	71,1		45,0		BQL các CTMT xã	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian KC-HT	Số mét đăng ký trong năm 2022 (m)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022				Hình thức thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
						Số quyết định, ngày, tháng năm	TMĐT	Tổng KH vốn (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						Nguồn vốn huy động
									Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã				
2	Đường từ nhà ông Anghã đến nhà Nghinh	Làng Chuk	Đường BTXM đã 2x4, Max200, H=16cm, Bm=5m, Mn=3,5m; L=267,03 m, hệ thống thoát nước	2022	267,0	1181/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	300,0	123,3	65,8	65,8	45,0	Tham gia thực hiện của công đồng	BQL các CTMT xã	Xã có tỷ lệ người ĐBDTTS trên 50%	
3	Đường từ nhà bà Anup tới nhà ông Jól (hiện nay là nhà ông K'Den)	Làng Dơ Nâu	Đường BTXM đã 2x4, Max200, H=16cm, Bm=5m, Mn=3,5m; L=520,91 m, hệ thống thoát nước	2022	520,9	1180/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	685,0	285,0	148,6	148,6	102,8	Tham gia thực hiện của công đồng	BQL các CTMT xã		
4	Đường nối tiếp đường từ làng Dơ Nâu đi làng Pơ Nang	Làng Dơ Nâu	Đường BTXM đã 2x4, Max200, H=16cm, Bm=5m, Mn=3,5m; L=168,11 m, hệ thống thoát nước	2022	168,1	1178/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	197,0	90,2	38,6	38,6	29,6	Tham gia thực hiện của công đồng	BQL các CTMT xã		
V	<b>Xã Lơ Pang</b>				<b>472,8</b>		<b>630,0</b>	<b>239,2</b>	<b>327,8</b>		<b>63,0</b>				
1	Đường đi từ nhà ông Chánh đến nhà ông Bom	Làng Roh	Đường BTXM, dây 16cm, Bm=6m, Bm=3m, M250, đã 2x4, L=186,55 m hệ thống thoát nước	2022	186,6	109/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	240,0	95,9	120,1		24,0	Tham gia thực hiện của công đồng	BQL các CTMT xã	Xã có tỷ lệ người ĐBDTTS trên 50%	
2	Đường từ nhà Ông Druinh đến trường Tiểu học	Làng Alao	Đường BTXM, dây 16cm, Bm=6m, Bm=3m, M250, đã 2x4, L=286,26 m hệ thống thoát nước	2022	286,3	110/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	390,0	143,2	207,8		39,0	Tham gia thực hiện của công đồng	BQL các CTMT xã		
VI	<b>Xã Đăk Trôi</b>				<b>625,0</b>		<b>710,0</b>	<b>282,5</b>	<b>356,5</b>		<b>71,0</b>				
1	Đường giao thông nông thôn làng Đăk Bớt (đoạn nối tiếp năm 2021)	Làng Đăk Bớt	Đường BTXM, L=625m, dây 16cm, Bm=5m, Bm=3m, M250, đã 2x4, hệ thống thoát nước	2022	625,0	79/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	710,0	282,5	356,5		71,0	Tham gia thực hiện của công đồng	BQL các CTMT xã	Xã có tỷ lệ người ĐBDTTS trên 50%	
VII	<b>Xã Kon Chiêng</b>				<b>1.524,6</b>		<b>1.635,0</b>	<b>689,2</b>	<b>782,3</b>		<b>163,5</b>				
1	Đường trục thôn làng Ktu (từ rình ló 666 nhà ông Nhuri đến sau nhà gặp đường 2) - đoạn nối tiếp 2021	Làng Ktu	Đường BTXM, đã 2x4, M250, Bm=5m, Bm=3m, H=16cm, L=442,26m, hệ thống thoát nước hệ thống thoát nước	2022	442,3	214/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	545,0	199,9	290,6		54,5	Tham gia thực hiện của công đồng	BQL các CTMT xã		
2	Đường BTXM nội Làng Đak Ó (Đường Xóm)	Làng Đak Ó	Đường BTXM, đã 2x4, M250, Bm=5m, Bm=3m, H=16cm, L=529,99m hệ thống thoát nước	2022	530,0	215/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	545,0	239,6	250,9		54,5	Tham gia thực hiện của công đồng	BQL các CTMT xã	Xã có tỷ lệ người ĐBDTTS trên 50%	
3	Đường BTXM đi khu sản xuất của Làng Deng xã Kon Chiêng (Từ Làng Deng cũ xuống khu Hmait)	Làng Deng	Đường BTXM, đã 2x4, M250, Bm=5m, Bm=3m, H=16cm, L=552,39m hệ thống thoát nước	2022	552,4	216/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	545,0	249,7	240,8		54,5	Tham gia thực hiện của công đồng	BQL các CTMT xã		